TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Chì
2. Ông Lê Văn Tài
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Sỉ – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2026 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 304/QĐ-CA ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: số G, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Giang Thành T, sinh năm 1984. Địa chỉ: số G, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31/10/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Giang Thành T cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2011. Hôn nhân tự nguyện, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong công việc và giáo dục con cái và phát triển bản thân. Do đó đã ly thân từ tháng 5/2025 đến nay, mỗi bên có cuộc sống riêng tư không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà yêu cầu Toà án xem xét giải quyết như sau:

1. Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Giang Thành T. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Giang Tường V, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013. Bà yêu cầu ông Giang Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Giang Thành T trình bày.

Ông thống nhất với bà Lê Thị L về thời gian kết hôn, sống chung, con chung, còn về nguyên nhân mất hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống trong công việc và sở thích cá nhân, hai bên không còn tiếng nói chung. Ông và Lê Thị L đã ly thân từ tháng 5 năm 2025 đến nay, mỗi bên có cuộc sống riêng tư không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay ông đang làm bảo vệ cho Ngân hàng C – Phòng G, lương hàng tháng là 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Nay ông có ý kiến như sau:

1. Về hôn nhân: ông không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị L. Vì con còn nhỏ ông không muốn con phải sống thiếu tình thương của cha hoặc mẹ bởi vì khi vợ chồng ly hôn con sẽ phải sống chung với cha hoặc mẹ. Nếu Tòa án có giải quyết cho ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Giang Tường V, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013 (theo nguyện vọng của con chung). Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L:

Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông T. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: giao cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng Giang Tường V, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2013. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà L và ông T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và dân sự:

+ Bà L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008082 ngày 31/10/2025 là đủ.

+ Ông T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn với ông Giang Thành T, do bị đơn sinh sống tại xã A, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị L và ông Giang Thành T cưới nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2011 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Giang Thành T. Bà L, ông T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự thống nhất giao cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng Giang Tường V, sinh ngày 11/01/2013 (theo nguyện vọng của con chung). Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà L nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí:

Buộc bà L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc ông T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Giang Thành T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Bà L được trực tiếp nuôi dưỡng Giang Tường V, sinh ngày 11/01/2013. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà L nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: Bà L và ông T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí:

+ Hôn nhân và gia đình: Bà L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008082 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí bà L đã nộp xong.

+ Dân sự: Buộc ông T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã An Qui;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc